

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/HS-ST

Ngày 07-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Luân Văn Tuấn;

Bà Lương Thị Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc S; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 24/5/1970 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X (Trần S) và bà Võ Thị Kim C (đều đã chết); vợ: Lê Thị Thu T, sinh năm 1972; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Tại Bản án số 29 ngày 19/12/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải. Bị tạm giữ ngày 11/3/2023, đến ngày 14/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Bá T; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 03/4/1971 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Đ (sinh năm 1943) và bà Lê Thị T (sinh năm 1944); vợ: Lê Thị N (sinh năm 1971); con: Có 03 người, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2013;

tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ ngày 11/3/2023, đến ngày 14/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Thành T; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 01/01/1979 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1949) và bà Trần Thị S (đã chết); vợ: Lê Thị Kim D (sinh năm 1987); con: Có 01 người, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ ngày 11/3/2023, đến ngày 14/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Trần Trọng P; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20/12/1989 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ (sinh năm 1958) và bà Võ Thị T (sinh năm 1963); vợ: Lê Thị T (sinh năm 1992); con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ ngày 11/3/2023, đến ngày 14/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Nguyễn Xuân T; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 19/5/1974 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu X, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân D (sinh năm 1945) và bà Trần Thị D (đã chết); vợ: Nguyễn Thị B (sinh năm 1974); con: Có 02 người, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị tạm giữ ngày 11/3/2023, đến ngày 14/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Văn T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 11/3/2023, tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại địa bàn xã T, huyện V phát hiện bắt quả tang Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T và Trần Trọng P đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm tại phòng X nhà nghỉ Y thuộc khu Z, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 10.360.000 đồng và 52 lá bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 03 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng và 01 vỏ ga giường đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Bản thân làm nghề lái xe vận chuyển hàng đến bãi xe N thuộc thôn H, xã T, huyện V để xuất khẩu hàng sang Trung Quốc, đến khoảng 18 giờ ngày 11/3/2023, các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T và Trần Trọng P cùng rủ nhau đến nhà nghỉ Y thuê phòng để nghỉ, tắm rửa, vệ sinh cá nhân và nhằm mục đích đánh bạc. Sau khi thuê được phòng nghỉ thì Trần Ngọc S đã nhờ Nguyễn Xuân T là chủ nhà nghỉ đi mua cho 04 bộ bài tú lơ khơ, Nguyễn Xuân T đồng ý rồi đi mua được 04 bộ bài tú lơ khơ đem về cho Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T và Trần Trọng P thực hiện hành vi đánh bạc tại phòng X của nhà nghỉ do Nguyễn Xuân T quản lý.

Về cách thức đánh bạc: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài được xáo trộn, sau đó chia cho từng người chơi, người chia bài đầu tiên sẽ được 10 lá bài và đánh trước cho người ngồi bên phải, 03 người còn lại mỗi người được chia 09 lá bài. Sau đó mọi người đánh lần lượt theo chiều từ trái sang phải, sang ván sau thì người thắng của ván trước đánh trước và lần lượt các ván tiếp theo như vậy. Người bên cạnh nếu ăn được lá bài do người trước đánh ra (điều kiện để ăn được lá bài là nếu lá bài kết hợp với những lá bài trên tay tạo thành một phỏm, một phỏm gồm 03, 04 lá bài cùng số, cùng chất hoặc 03 lá bài có cùng chất có dãy số liên tục) thì không được bốc thêm bài mà tiếp tục đánh một lá bài trên tay cho người tiếp theo (trường hợp chưa đủ 3 phỏm), nếu không ăn được lá bài do người trước đánh ra thì người chơi bốc một lá bài và tiếp tục đánh lá bài bất kì cho người bên cạnh. Ván bài kết thúc khi có người chơi “ù” là có đủ 3 phỏm bài, trường hợp người chơi ăn được lá bài do người chơi trước đánh ra mà đủ 03 phỏm thì sẽ tiếp tục đánh 01 lá bài thừa cho người bên cạnh sau đó hạ bài, hoặc bốc hết bài. Những người chơi quy định, nếu có người “ù” thì những người còn lại phải trả cho người “ù” với số tiền 100.000đ/01 người, nếu không có ai “ù” thì người có số điểm ít nhất sẽ là người thắng, những người thua theo vị trí thứ tự nhì, ba, tư tương ứng với số tiền lần lượt phải trả cho người thắng là 20.000 đồng, 40.000 đồng và 60.000 đồng. Nếu có người ăn được lá bài “chốt” thì người đánh phải trả cho người ăn được lá bài đó tương ứng với số tiền 80.000 đồng, nếu ai không có phỏm (móm) thì phải trả cho người thắng số tiền 80.000 đồng. Nếu ván bài có người “ù” thì phải trích ra số tiền 20.000 đồng để trả tiền thuê phòng, tiền nước... Nếu ván bài cả 04 người chơi cùng “cháy” thì người nào hạ bài trước thì người đó sẽ thắng.

Tại Bản kết luận giám định số 407/KL-KTHS ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gồm 10.360.000đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P và Nguyễn Xuân T về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51;

Điều 65; Điều 17, 50, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Bá T 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm; bị cáo Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Trần Ngọc S từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo Nguyễn Xuân T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 2, 3 Điều 70 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Tịch thu tiêu hủy 52 lá bài tứ lơ khơ, 01 vỏ ga giường, 03 bộ bài tứ lơ khơ; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 10.360.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo Trần Ngọc S bỏ ra 860.000 đồng, Nguyễn Bá T bỏ ra 5.900.000 đồng, Nguyễn Thành T bỏ ra 2.600.000 đồng và Trần Trọng P bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Xuân T không tham gia đánh ván bạc nào.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố chưa thực hiện xác minh thi hành án hình sự của bị cáo Trần Ngọc S đối với bản án trước. Do vậy, Tòa án đã gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử để các cơ quan tiến hành tố tụng bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người chứng kiến nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người chứng kiến.

[3] Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 11/3/2023 tại phòng X, nhà nghỉ Y thuộc khu Z, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức “đánh phỏm”. Bị cáo Nguyễn Xuân T có hành vi giúp sức cho hành vi đánh bạc, tạo điều kiện, chuẩn bị công cụ cho các bị cáo đánh bạc. Số tiền đánh bạc

các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.360.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Nguyễn Xuân T phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Nguyễn Xuân T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Ngọc S tích cực tham gia các hoạt động của địa phương, nhiều lần ủng hộ quỹ vì người nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết bị cáo Nguyễn Xuân T có bố là thương binh không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định nên không được chấp nhận.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Nguyễn Xuân T có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Trần Ngọc S chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, năm 1997 bị xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án, thuộc trường hợp được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự.

[9] Xét vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có tính đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, các bị cáo Trần Ngọc S, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P đều là người thực hành. Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 10.360.000 đồng, trong đó nhiều nhất là bị cáo Nguyễn Bá T bỏ ra 5.900.000đ để đánh bạc, ít nhất là bị cáo Trần Ngọc S bỏ ra 860.000đ để đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Xuân T giữ vai trò giúp sức, không tham gia đánh bạc, cho các bị cáo còn lại sử dụng địa điểm do mình quản lý để đánh bạc nhằm mục đích hưởng lợi từ tiền thuê phòng và sử dụng nước uống. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc vai trò đồng phạm của từng bị cáo để quyết định mức án phù hợp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp lái xe và lao động tự

do, không có thu nhập ổn định, không sở hữu tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Nguyễn Xuân T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo Trần Ngọc S mặc dù đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có một tình tiết thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Do đó không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội,

[12] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy các vật chứng thu giữ gồm bài tú lơ khơ, vỏ ga giường là các công cụ phục vụ hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 10.360.000 đồng là tiền sử dụng vào hành vi phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[13] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Nguyễn Xuân T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc S;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 17, 50, 58; khoản 2, 3 Điều 70 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều

331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Trần Ngọc S, Nguyễn Xuân T phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 01 (một) năm tù, cho hưởng treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2023).

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T, Trần Ngọc S mỗi bị cáo 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2023).

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Trọng P 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2023).

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Ngọc S, Trần Trọng P cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Ngọc S, Trần Trọng P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Xuân T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp

3.1. Tịch thu tiêu hủy

- 52 (năm mươi hai) lá bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng;
- 01 (một) vỏ ga giường, đã qua sử dụng;

- 03 (ba) bộ bài tú lơ khơ, chưa qua sử dụng.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2023 giữa Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

3.2. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước

10.360.000 (mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng đã được nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Lệnh thanh toán ngày 26/7/2023, số tham chiếu 2320410303731517 của Ngân hàng Nông N, Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Án phí

Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thành T, Trần Trọng P, Trần Ngọc S, Nguyễn Xuân T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQĐT Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng